TÒA ÁN NF DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2022.
(*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*)

NF DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NF DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nF dân:

1. Ông: Nguyễn Bính.

2. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nF dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nF dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nF dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nF và gia đình thụ lý số 276/2022/TLST- HNGĐ ngày 06/4/2022 "*V/v: Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐST – HNGĐ ngày 06/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đức A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Kim C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn D, xã E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 19/4/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Đức A trình bày:

-Về quan hệ hôn nF: ông và bà Phan Thị Kim C tự nguyện đi đến hôn nF, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/7/2017, số 45/2017. Vợ cC chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau này mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm nên vợ cC thường xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau, từ 02 năm nay ông với bà C không sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm của ông với bà C không còn nữa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phan Thị Kim C.

Về con chung: có 1 con chung tên Trần Phan Kim F, sinh ngày 11/4/2018. Nay ly hôn giao cho bà C nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Trần Đức A trình bày: ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Phan Thị Kim C vì vợ cC đã sống ly tF từ 02 năm nay nên không còn tình cảm nữa. Về con chung ông giao con cho bà C nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Phan Thị Kim C có nơi cư trú tại thôn D, xã E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Do bà C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: "thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa vắng mặt bà Phan Thị Kim C.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nF dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao con cho bà C nuôi dưỡng, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, về tài sản chung và nợ chung ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Phan Thị Kim C có nơi cư trú tại thôn D, xã E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức A về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nF dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị Kim C vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nF giữa ông Trần Đức A và bà Phan Thị Kim C là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017 ngày 27/7/2017. Theo ông A cho rằng trong quá chung sống, vợ cC thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặt khác bà C cũng không muốn sống chung với ông nữa nên bà C đã

về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ cC tự sống ly tF khoảng 02 năm nay. Theo biên bản xác minh tại địa phương cho biết bà C đã về nhà cha mẹ ruột ở tại xã E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, ông A có đến thăm con 1- 2 lần. Qua đây, cho thấy tình trạng hôn nF giữa ông A và bà C thật sự là có mâu thuẫn xảy ra và mặc dù bà C biết được ông A làm đơn xin ly hôn với bà nhưng bà C vẫn bỏ mặc không quan tâm đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ cC, chính vì vậy đã làm cho cuộc hôn nF của ông bà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng hơn nữa, đời sống chung vợ cC không thể kéo dài, mục đích hôn nF không đạt được.

Bà C đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt bà C, chứng tỏ bà C đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình nên việc xét xử vắng mặt bà C là phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông A.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Đức A.

Về con chung: có 1 con chung tên Trần Phan Kim F, sinh ngày 11/4/2018. Nay ly hôn, ông A giao cho bà C nuôi con, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay cháu F đang ở với mẹ có cuộc sống ổn định nên tiếp tục giao con cho bà C nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông A đối với con Trần Phan Kim F, sinh ngày 11/4/2018 hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động là có cơ sở.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[3]Về án phí**:** ông Trần Đức A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nF và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/<u>Căn cứ vào</u>*:** khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 01 Điều 51, khoản 01 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nF và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***2/<u>Tuyên xử</u>*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức A.

-Về quan hệ hôn nF: Ông Trần Đức A được ly hôn với bà Phan Thị Kim C.

-Về con chung: giao con Trần Phan Kim F, sinh ngày 11/4/2018 cho bà Phan Thị Kim C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

-**Về tài sản chung và nợ chung:** ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3/<u>Về án phí</u>*:** Ông Trần Đức A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nF và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0009554 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, ông A phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2022). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *UBND xã B, huyện Tánh Linh, Bình Thuận;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ